

Địa chỉ : 58 Nguyễn Bình Khiêm, Q.1, TP. HỒ CHÍ MINH

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam là Công ty Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Dầu thực vật Hương liệu mỹ phẩm Việt Nam theo Quyết định số 4799/QĐ-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Bộ Công Thương. Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, đăng ký lần đầu, số 0300585984 ngày 04/12/2009 với vốn điều lệ của Công ty là 674.533.000.000 đồng.

Ngày 08 tháng 6 năm 2010, Bộ Trưởng Bộ Công Thương có quyết định số 3006/QĐ-BCT chuyển Công ty mẹ-Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam sang hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, đăng ký lần đầu, số 0300585984 ngày 30/7/2010 với vốn điều lệ của Tổng Công ty là 674.533.000.000 đồng.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động chính của Tổng công ty là :

- Sản xuất, kinh doanh dầu mỡ động thực vật, tinh dầu, hương liệu mỹ phẩm, chất tẩy rửa, than gáo dừa và các sản phẩm từ cây có dầu.
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư, nguyên liệu, dầu thực vật, sản phẩm tinh dầu, nông lâm sản có dầu và vật tư thiết bị chuyên dùng phục vụ cho nhiệm vụ của Tổng công ty.
- Khai thác và cung cấp các dịch vụ cảng để xuất nhập khẩu dầu thực vật và các loại hàng hoá khác.
- Đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu cây có dầu.
- Sản xuất, kinh doanh các loại bao bì.
- Chế biến thức ăn chăn nuôi (gia súc, gia cầm, thủy sản).
- Chế biến lương thực, thực phẩm (xay xát lúa mì, mì ăn liền, bánh kẹo, sữa).
- Sản xuất diesel sinh học (biodiesel), bia, nước giải khát (không sản xuất tại trụ sở công ty).
- Cho thuê kho, bãi, nhà để làm văn phòng làm việc (chỉ thực hiện khi có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt).
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa.



**II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Địa chỉ : 58 Nguyễn Bình Khiêm, Q.1, TP. HỒ CHÍ MINH

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**III. Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chế độ kế toán áp dụng :**

Tổng công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Tổng Công ty đang trong quá trình cổ phần hóa, giá trị doanh nghiệp của Tổng Công ty tại thời điểm 30/6/2011 đã được phê duyệt tại Quyết định số 3415/QĐ-BCT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ công thương. Theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền, Tổng Công ty tiến hành xác định lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2013 và đã được Bộ Công thương phê duyệt tại Quyết định số 9822/QĐ-BCT ngày 23/12/2013. Vì vậy, Tổng công ty áp dụng thông tư 106/2008/TT-BTC ngày 17/11/2008 do Bộ Tài chính ban hành để lập Báo cáo tài chính 2013 cũng như Báo cáo tài chính năm 2012. Theo đó, các khoản mục Tài sản và Nguồn vốn sẽ được Tổng Công ty điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại tài sản và nợ phải trả đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tại các quyết định nêu trên.

Khi xác định giá trị doanh nghiệp toàn bộ các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính đều được trích lập và hoàn nhập ngay khi xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2013. Do vậy, khi lập Báo cáo tài chính năm 2013 cũng như Báo cáo tài chính năm 2012, Tổng Công ty không xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá các khoản mục này như yêu cầu của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính.

**2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ.

**3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính, bao gồm cả việc áp dụng thông tư 106/2008/TT-BTC ngày 17/11/2008 do Bộ Tài chính ban hành và không áp dụng Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính như đã trình bày trên.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**

**1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền** là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 ("VAS 10") – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư của các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 ("VAS 10") - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 do BTC ban hành hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ. Theo đó, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, nợ phải thu, nợ phải trả tại thời điểm cuối năm được đánh giá theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính, sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Tỷ giá hối đoái được áp dụng để đánh giá số dư tại ngày 31/12/2013: 21.080 đ/USD.

**2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

**Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

**Lập dự phòng phải thu khó đòi:**

Theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, các khoản dự phòng đều được hoàn nhập. Do vậy, Tổng Công ty không xem xét lập dự phòng cho các khoản phải thu đã được đưa vào xác định giá trị doanh nghiệp.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được mua sắm trước thời điểm 01/01/2013 được ghi nhận theo giá đánh giá lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình phát sinh sau thời điểm 01/01/2013 được ghi nhận theo giá gốc.

Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05-12 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc	03-25 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05 năm
- Quyền sử dụng đất	46 năm
- Phần mềm kế toán	08 năm

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết phát sinh trước thời điểm 01/01/2013 được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại được cấp thẩm quyền phê duyệt. Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết phát sinh sau thời điểm 01/01/2013 được ghi nhận theo giá gốc.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh phát sinh trước thời điểm 01/01/2013 được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại được cấp thẩm quyền phê duyệt. Khoản đầu tư vào công ty liên doanh phát sinh sau thời điểm 01/01/2013 được ghi nhận theo giá gốc.

Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Tổng công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.
- Theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động hợp tác kinh doanh tài sản đồng kiểm soát.

Tại Tổng công ty không phát sinh các hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát.

Tổng Công ty đang trong quá trình cổ phần hóa, toàn bộ các khoản dự phòng cho các khoản đầu tư (nếu có) đều được hoàn nhập khi xác định giá trị doanh nghiệp. Vì vậy, Tổng Công ty không xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính tại thời điểm cuối niên độ.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí nạo vét cảng
- Công cụ dụng cụ

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn



Địa chỉ : 58 Nguyễn Bình Khiêm, Q.1, TP. HỒ CHÍ MINH

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, kể cả phần lợi nhuận được chia từ các Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh có nguồn gốc từ lợi nhuận trước thời điểm 30/6/2011 và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

501  
CÔNG  
NHIE  
VU  
INH  
KIEM  
LIA  
TP. H

Địa chỉ : 58 Nguyễn Bình Khiêm, Q.1, TP. HỒ CHÍ MINH

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

<b>1 - Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>Tiền mặt</b>	<b>1.245.569.300</b>	<b>486.529.140</b>
- Tiền mặt tại quỹ	1.173.719.770	435.964.619
- Tiền mặt tại Chi nhánh Hà Nội	69.540.530	48.255.521
- Đá quý	2.309.000	2.309.000
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>140.820.715.855</b>	<b>102.819.970.531</b>
- Tiền gửi VND	107.341.195.512	96.512.420.052
- Tiền gửi ngoại tệ	33.479.520.343 (# 1,762,044.41 usd)	6.307.550.479 (# 302.839,95 usd )
<b>Cộng</b>	<b>142.066.285.155</b>	<b>103.306.499.671</b>
<b>2. Phải thu của khách hàng</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Phải thu khách hàng trong nước (*)	624.905.633.759	536.501.152.339
Phải thu khách hàng nước ngoài	6.339.092.552	4.866.576.000
MITSUI AND CO., LTD 189,696 usd #	3.998.791.680	139.992,00 usd # 2.911.833.600
SUMITOMO CORPORATION 47,993.4 usd #	1.011.700.872	93.978,00 usd # 1.954.742.400
QINGDAO CONNECT IMPORT & EXPORT CO.,LTD	1.328.600.000	-
<b>Cộng</b>	<b>631.244.726.311</b>	<b>541.367.728.339</b>

(\*) Trong đó, khoản phải thu của Công ty CP Dầu thực vật Thủ Đức là 199.000 usd tương đương 4.194.920.000 đồng đã quá hạn thanh toán trên 3 năm nhưng do Tổng công ty đang trong quá trình cổ phần hóa, Tổng công ty đánh giá không có rủi ro đối với khoản nợ phải thu này và đã đưa vào xác định giá trị doanh nghiệp của Tổng công ty tại thời điểm 30/6/2011 (đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt giá trị doanh nghiệp) nên Tổng công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như yêu cầu tại thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

<b>3. Trả trước cho người bán</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Công nợ mua hàng	1.201.621.238	2.405.568.191
- Trả trước cho người bán trong nước	134.315.964	2.405.568.191
- Trả trước cho người bán nước ngoài	1.067.305.274	-
Công nợ sửa chữa, XD CB, mua sắm TSCĐ	1.906.729.454	75.060.000
- Trả trước cho người bán trong nước	1.906.729.454	75.060.000
- Trả trước cho người bán nước ngoài	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.108.350.692</b>	<b>2.480.628.191</b>

  

<b>4. Các khoản phải thu khác</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Phải thu của các đơn vị ủy thác nhập khẩu (*)	1.390.000.000	1.390.000.000
Công ty CP dầu thực vật Thủ Đức	1.390.000.000	1.390.000.000
Phải thu cổ tức	50.690.000.000	46.722.800.000
Công ty CP Trích ly Dầu thực vật	3.570.000.000	4.998.000.000
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	40.320.000.000	33.324.800.000
Công ty TNHH Mỹ Phẩm LG Vina	6.800.000.000	8.400.000.000
Phải thu lại tiền thuế TNCN của cán bộ công nhân viên	681.061.071	1.079.715.344
Phải thu khoản thuế nhập khẩu được hoàn	937.138.756	-
Phải thu cổ phần hóa	1.384.648.510	1.227.646.764
Phải thu khác	582.596.461	2.521.580.013
<b>Cộng</b>	<b>55.665.444.798</b>	<b>52.941.742.121</b>

(\*) Phải thu của các đơn vị ủy thác nhập khẩu, chủ yếu là tiền hàng nhập khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, phí ủy thác nhập khẩu. Khoản phải thu này đã quá hạn thanh toán trên 3 năm nhưng do Tổng công ty đang trong quá trình cổ phần hóa, Tổng công ty đánh giá không có rủi ro đối với khoản nợ phải thu này và đã đưa vào xác định giá trị doanh nghiệp của Tổng công ty tại thời điểm 30/6/2011 (đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt giá trị doanh nghiệp) nên Tổng công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như yêu cầu tại thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>5. Hàng tồn kho</b>		
<b>Giá gốc của hàng tồn kho</b>		
Hàng mua đi đường	39.536.846.131	
Nguyên liệu, vật liệu	101.098.899.252	72.006.011.981
Công cụ dụng cụ	988.050.648	2.030.231.836
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	1.452.713.781
Thành phẩm	56.940.903.021	88.677.112.443
Hàng hoá	42.217.055.305	104.211.909.823
Hàng cho mượn	-	1.565.027
<b>Cộng</b>	<b>240.781.754.357</b>	<b>268.379.544.891</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	240.781.754.357	268.379.544.891
<b>6. Thuế GTGT được khấu trừ</b>		
Thuế GTGT được khấu trừ của HDDV trong nước	22.517.606.408	35.682.188.879
Thuế GTGT được khấu trừ của hàng nhập khẩu	-	18.063.382.957
Thuế GTGT được khấu trừ tại Chi nhánh Hà Nội	10.159.765	
<b>Cộng</b>	<b>22.527.766.173</b>	<b>53.745.571.836</b>
<b>7. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>		
Thuế TNDN nộp thừa	15.290.710.053	15.290.710.053
Tiền thuê đất nộp thừa	630.323.575	1.065.889.550
<b>Cộng</b>	<b>15.921.033.628</b>	<b>16.356.599.603</b>
<b>8. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
Tài sản thiếu chờ xử lý (*)	1.322.320.946	-
Tạm ứng	233.853.000	834.330.000
<b>Cộng</b>	<b>1.556.173.946</b>	<b>834.330.000</b>
(*) Tài sản thiếu chờ xử lý chủ yếu là giá trị của hàng hóa nhập khẩu bị thiếu hụt, bao gồm cả thiếu hụt không được bồi thường (thiếu hụt nhỏ hơn hoặc bằng 0,5%) và thiếu hụt được Cơ quan bảo hiểm bồi thường ( thiếu hụt lớn hơn 0,5%).		
<b>9. Phải thu dài hạn khác</b>		
Tiền đặt cọc thuê văn phòng cho Cty Quản lý KD nhà Thành phố	135.000.000	135.000.000
<b>Cộng</b>	<b>135.000.000</b>	<b>135.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐHH KHÁC	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
Số dư đầu năm	180.009.390.627	212.485.065.113	4.402.652.248	3.772.132.450	-	400.669.240.438
Số tăng trong năm	-	-	-	165.995.525	-	165.995.525
- Mua sắm mới				165.995.525	-	165.995.525
Số giảm trong năm	22.906.364	912.634.174	-	1.364.882.253	-	2.300.422.791
-Giảm khác	22.906.364	912.634.174		1.364.882.253		2.300.422.791
Số dư cuối năm	179.986.484.263	211.572.430.939	4.402.652.248	2.573.245.722	-	398.534.813.172
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	45.776.701.388	66.359.320.537	2.709.515.228	2.529.285.784	-	117.374.822.937
Số tăng trong năm	7.433.825.475	16.508.314.359	471.009.780	317.785.643	-	24.730.935.257
- Khấu hao trong năm	7.433.210.397	16.498.104.020	471.009.780	297.019.903	-	24.699.344.100
- Tăng khác	615.078	10.210.339	-	20.765.740	-	31.591.157
Số giảm trong năm	763.548	684.032.383	-	895.546.361	-	1.580.342.292
-Giảm khác	763.548	684.032.383		895.546.361		1.580.342.292
Số dư cuối năm	53.209.763.315	82.183.602.513	3.180.525.008	1.951.525.066	-	140.525.415.902
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
Tại ngày đầu năm	134.232.689.239	146.125.744.576	1.693.137.020	1.242.846.666	-	283.294.417.501
Tại ngày cuối năm	126.776.720.948	129.388.828.426	1.222.127.240	621.720.656	-	258.009.397.270

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng	2.371.718.111	875.934.279
Nguyên giá TSCĐ dùng để thế chấp cầm cố ( Xem thuyết minh số 22. Vay và nợ dài hạn mục V của Thuyết minh Báo cáo tài chính)	96.723.159.182	96.723.159.182

Không có tài sản cố định nào đang chờ thanh lý vào thời điểm cuối kỳ;  
 Không có cam kết nào về việc mua bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn vào thời điểm cuối kỳ;

**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
Số dư đầu năm	2.595.135.240	2.064.948.000	4.660.083.240
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	2.595.135.240	2.064.948.000	4.660.083.240
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	755.999.148	1.032.474.000	1.788.473.148
Số tăng trong năm	119.779.368	258.118.500	377.897.868
Số giảm trong năm			
Số dư cuối năm	875.778.516	1.290.592.500	2.166.371.016
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>			
Tại ngày đầu năm	1.839.136.092	1.032.474.000	2.871.610.092
Tại ngày cuối năm	1.719.356.724	774.355.500	2.493.712.224



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Dự án Dây chuyền tinh luyện 100 tấn/ngày	204.023.889	204.023.889
Dự án mở rộng nhà thành phẩm B1	99.562.662	99.562.662
Nạo vét khu nước trước bến tàu	90.832.695	-
Nhà kho cảng Nhà Bè	10.067.273	-
<b>Cộng</b>	<b>404.486.519</b>	<b>303.586.551</b>

**13. Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty con	Cuối năm			Đầu năm		
	Số CP sở hữu	Tỷ lệ cổ phần Tổng công ty sở hữu	Giá ghi sổ theo giá đánh giá lại tại thời điểm 01/01/2013	Số CP sở hữu	Tỷ lệ cổ phần Tổng công ty sở hữu	Giá ghi sổ theo giá đánh giá lại tại thời điểm 01/01/2013
Công ty CP Dầu thực vật Tường An	9.679.900	51,00%	394.939.920.000	9.679.900	51,00%	394.939.920.000
Công ty CP Dầu thực vật Tân Bình	-		-	2.198.000	51,00%	30.671.206.823
Công ty CP Trích ly Dầu thực vật	7.140.000	99,36%	76.400.921.000	7.140.000	99,36%	76.400.921.000
Công ty CP TM Dầu thực vật	1.530.000	98,71%	15.726.813.000	1.530.000	98,71%	15.726.813.000
<b>Cộng</b>	<b>18.349.900</b>		<b>487.067.654.000</b>	<b>20.547.900</b>		<b>517.738.860.823</b>

**14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ sở hữu		<b>Cuối năm</b>		<b>Đầu năm</b>
Công ty Dầu ăn Golden Hope NB (i)	49%		47.192.438.524		47.192.438.524
Công ty TNHH DTV Cái Lân (ii)	32%	17.449.654,00 usd #	372.962.905.170	16.416.212,79 usd #	351.522.050.220
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG-VINA	40%	3.000.000,00 usd #	52.241.827.562	3.000.000,00 usd #	52.241.827.562
Công ty CP Bao bì Dầu thực vật	44,16%	3.532.800 cp #	91.852.800.000	3.532.800 cp #	91.852.800.000
Công ty CP Dầu thực vật Tân Bình (iii)	27,13%	2.307.900 cp #	30.671.206.823		-
Công ty TNHH DTV Khu vực Miền Bắc Việt Nam (iv)	30,00%		151.200.000.000		-
<b>Cộng</b>			<b>746.121.178.079</b>		<b>542.809.116.306</b>

(i) Theo Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè bắt đầu từ 01/01/2013 và kết thúc ngày 31/12/2013 được lập cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty (chưa được kiểm toán), khoản mục Nguồn vốn Chủ sở hữu của Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè tại thời điểm 01/01/2013 và 31/12/2013 lần lượt là -55.565.604.848 đồng và - 92.406.890.473 đồng (cùng là số âm). Tổng công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn của khoản đầu tư này do Tổng công ty đang trong quá trình cổ phần hóa, kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của Tổng công ty liên quan đến khoản đầu tư này được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo giá gốc là 47.192.438.524 đồng. Khi chính thức chuyển sang Công ty cổ phần, khoản đầu tư này sẽ được xác định lại nhưng không thấp hơn giá gốc đã đầu tư.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

(ii) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH DTV Cái Lân tăng 1.033.441,21 usd # 21.440.854.950 đồng từ khoản lợi nhuận được chia theo Nghị quyết Hội đồng thành viên ngày 08/06/2013 là 826.891,2 usd # 17.222.489.914 đồng và Nghị quyết Hội đồng thành viên ngày 18/12/2012 là 206.550,01 usd # 4.218.365.036 đồng.

Ngày 26/12/2013, Tổng Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng vốn để chuyển nhượng một phần vốn đã đầu tư tại Công ty DTV Cái Lân ( Xem thuyết minh 2.2 mục VII của Thuyết minh báo cáo tài chính).

(iii) Trong năm tài chính 2013, Công ty CP Dầu thực vật Tân Bình phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ theo tỷ lệ 1:1. Tổng Công ty không thực hiện quyền mua cổ phần nên tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty CP dầu thực vật Tân Bình chỉ còn 27,13%. Do vậy, khoản đầu tư vào Công ty CP DTV Tân Bình được xác định là khoản đầu tư vào công ty liên kết.

(iv) Được thành lập bởi hợp đồng liên doanh giữa Tổng công ty và Công ty Musim Mas Vietnam Oils&Fats Pte LTD;

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Lợi thế kinh doanh	17.118.584.425	17.118.584.425
- Chi phí nạo vét cảng	917.520.404	2.325.726.466
- Chi phí bảo dưỡng phao neo	258.907.385	-
- Chi phí cán bê tông nhựa nền kho CFS	-	120.054.319
- Chi phí sửa chữa TSCĐ có giá trị lớn	209.715.166	1.135.402.644
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	614.808.421	-
- Các chi phí khác	194.183.850	16.196.248
<b>Cộng</b>	<b>19.313.719.651</b>	<b>20.715.964.102</b>

**16. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>1.132.316.379.105</b>	<b>966.792.265.331</b>
- Ngân hàng Vietcombank - CN TPHCM (1)	869.031.807.626	751.581.921.376
- Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB) (2)	263.284.571.479	215.210.343.955
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>12.706.042.822</b>	<b>12.537.271.855</b>
- Tiền thuê đất phải trả Công ty CP Phát triển đô thị Công nghiệp số 2 (3)	909.674.822	897.591.855
- Dự án Tách phân đoạn (4)	11.796.368.000	11.639.680.000
<b>Cộng</b>	<b>1.145.022.421.927</b>	<b>979.329.537.186</b>

**(1) Các hợp đồng vay gồm**

Theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0107/KH/12NH ngày 26/04/2012 :

- Hạn mức cho vay : 600.000.000.000 đồng, có thể giải ngân bằng ngoại tệ;
- Số dư tại ngày 31/12/13 : 376.515.129.359 đồng ;
- Lãi suất vay : được xác định theo từng khế ước nhận nợ, lãi suất của số dư tại ngày 31/12/13 là 4,5 %/năm;
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.;
- Tài sản thế chấp : tín chấp;